

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CẦU NGANG  
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

**Bản án số: 16/2021/HNGĐ-ST**

**Ngày 26/02/2021.**

*“V/v Tranh chấp ly hôn”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG TỈNH TRÀ VINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lý Thanh Lâm.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Tấn Sĩ.

Ông Kim Na Rinh.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Kim Đây, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Tấn An – Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 115/2020/TLST- HNGĐ, ngày 01/12/2020, về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2021/QĐXXST-HN, ngày 22/01/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 13/2021/QĐST-HN, ngày 05/02/2021 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị Bích N, sinh năm 1990. Có mặt.

*Địa chỉ:* T, khu phố K, thị trấn K, huyện Kiên L, tỉnh K.

*Bị đơn:* Anh Nguyễn Thái G, sinh năm 1986. Vắng mặt lần thứ 02, không có lý do.

*Địa chỉ:* Ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 24/11/2020 và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị Phạm Thị Bích N trình bày:*

**- Về hôn nhân:** Chị và anh G xác lập hôn nhân và có đăng ký kết hôn ngày 16/4/2018 tại UBND xã L, huyện C, tỉnh Trà Vinh, vợ chồng cùng đi đăng ký kết hôn. Khi tiến đến hôn nhân chị và anh Gìn có quen biết nhau hơn 01 năm, có làm

lễ cưới theo phong tục tập quán, Nữ trang ngày cưới đã bán hết không còn. Sau ngày cưới chị và anh G cùng đi làm, chị làm ở Công ty V may túi xách ở Trà Vinh, còn anh G làm ở Công ty Dược phẩm T ở huyện C. Vợ chồng chung sống khoảng 03 tháng thì anh G tham gia tệ nạn xã hội rồi gây ra nợ, chị phải bán hết số nữ trang ngày cưới và phụ tiền để trả số nợ khoảng 500.000.000 đồng. Sau đó chị góp ý nhiều lần nhưng anh G không bỏ mà vẫn tiếp tục tham gia tệ nạn rồi gây ra nợ tiếp, từ đó dẫn đến cãi vã nhau, sự việc kéo dài đến tháng 08 năm 2019 thì vợ chồng ly thân không còn chung sống và chấm dứt tình cảm cho đến nay khoảng 18 tháng nên tình cảm không còn. Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh G.

- *Về con chung*: Chị và anh G chung sống không có sinh con chung.

- *Về tài sản chung vợ chồng và số nợ phải thu, phải trả*: Chị không tranh chấp, không khởi kiện. Ngoài ra chị không có yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa hôm nay, anh Nguyễn Thái G là bị đơn trong vụ án, anh G vắng mặt lần thứ 02 không có lý do, nên không có lời trình bày.

*Lời phát biểu của Kiểm sát viên.*

- *Về việc tuân theo pháp luật*: Thủ tục thụ lý hồ sơ vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định người tham gia tố tụng, thành phần tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thành phần Hội đồng xét xử đều đúng quy định pháp luật. Các văn bản tố tụng từ khi nhận đơn khởi kiện đến khi Quyết định đưa vụ án ra xét xử đều tổng đạt và niêm yết đầy đủ. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về giải quyết vụ án*: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị N, xử cho chị N được ly hôn với anh G, về con chung không có, về tài sản chung vợ chồng và số nợ phải thu, phải trả, do các đương sự không tranh chấp, không khởi kiện nên không xem xét giải quyết. Buộc chị N phải nộp 300.000 đồng án phí.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1]. Về thủ tục tố tụng: Xét thấy anh Nguyễn Thái G là bị đơn trong vụ án, tại phiên tòa lần thứ 02, anh G vắng mặt không lý do. Căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Thái G theo quy định pháp luật.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Xét thấy chị N khởi kiện anh G yêu cầu giải quyết cho chị được ly hôn với anh G, ngoài ra chị không yêu cầu gì khác. Căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định quan hệ pháp luật giải quyết là “*Tranh chấp ly hôn*”, thuộc thẩm quyền giải quyết Tòa án.

[3]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn:

- *Về hôn nhân*: Xét thấy chị N và anh G xác lập hôn nhân và có đăng ký kết hôn vào ngày 16/4/2018 tại UBND xã L, huyện C, tỉnh Trà Vinh, vợ chồng cùng đi đăng ký kết hôn, từ đó xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng:

*Chị N khai*: Nguyên nhân mâu thuẫn về lối sống, vợ chồng chung sống khoảng 03 tháng thì anh G tham gia tệ nạn xã hội rồi gây ra nợ, chị phải bán hết số nữ trang ngày cưới và phụ tiền để trả số nợ khoảng 500.000.000 đồng. Sau đó chị góp ý nhiều lần nhưng anh G không sửa đổi mà vẫn tiếp tục tham gia tệ nạn rồi gây ra nợ tiếp, từ đó dẫn đến cãi vã nhau, sự việc kéo dài đến tháng 08 năm 2019 thì vợ chồng ly thân không còn chung sống và chấm dứt tình cảm cho đến nay khoảng 18 tháng. Tại phiên tòa hôm nay, chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn, không hàn gắn được và chị cương quyết xin được ly hôn với anh Nguyễn Thái G.

Đối với anh G, Tòa án giao Thông báo thụ lý vụ án và Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho người thân của anh G nhận và đã giao lại cho anh G, anh G hay biết rất rõ là chị N có làm khởi kiện anh ra Tòa án yêu cầu giải quyết ly hôn, các phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải anh G đều vắng mặt không lý do, nên phiên hòa giải đoàn tụ không tiến hành được, hôm nay tại phiên tòa lần thứ hai, anh G tiếp tục vắng mặt không lý do và anh cũng không gửi văn bản ý kiến của mình về hôn nhân mà chị N khởi kiện yêu cầu giải quyết, từ đó cho thấy khả năng đoàn tụ vợ chồng là không có kết quả.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng xảy ra từ tháng 8 năm 2019 đến nay, chị N và anh G đều bỏ mặt, mạnh ai nấy sống, không quan tâm đến tình nghĩa vợ chồng, đã ly thân nhau gần 18 tháng, chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn và cương quyết ly hôn không chung sống với anh G, từ đó làm cho mâu thuẫn tình cảm vợ chồng lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị N, xử cho chị N được ly hôn với anh G là đúng quy định pháp luật.

- *Về con chung*: Chị N và anh G chung sống không có sinh con chung.

- *Về tài sản chung vợ chồng và số nợ phải thu, phải trả*: Chị N không tranh chấp, không khởi kiện. Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Buộc chị Phạm Thị Bích N nộp 300.000 đồng.

[5]. Xét lời trình bày của Kiểm sát viên về trình tự thủ tục tố tụng và hướng giải quyết vụ án nêu trên là phù hợp với quy định pháp luật và được Hội đồng xét xử chấp nhận.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, các Điều 147, 227, 228; 235, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 53, 54, 56, 57 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:** Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Phạm Thị Bích N.

- *Về hôn nhân:* Xử cho chị Phạm Thị Bích N được ly hôn với anh Nguyễn Thái G.

- *Về án phí hôn nhân sơ thẩm:* Buộc chị Phạm Thị Bích N nộp 300.000 đồng nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà chị N đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002715, ngày 24/11/2020 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang thu. Chị Phạm Thị Bích N đã nộp đủ án phí.

- *Về quyền kháng cáo:*

+ Chị Phạm Thị Bích N có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

+ Anh Nguyễn Thái G vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, tính từ ngày anh nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt, niêm yết hợp lệ theo quy định./.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.*

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện, tỉnh;
- Chi Cục THADS huyện;
- UBND xã L, huyện C, tỉnh Trà Vinh.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Lý Thanh Lâm**